ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 2681 /QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 03 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy sản xuất thùng phi sắt, bao bì carton và các sản phẩm từ plastic

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty TNHH thương mại và sản xuất Tú Anh Hưng Yên số 11/ĐTM ngày 11/11/2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 660/BC-STNMT ngày 29 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Nhà máy sản xuất thùng phi sắt, bao bì carton và các sản phẩm từ plastic" (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH thương mại và sản xuất Tú Anh Hưng Yên (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Vụ Môi trường thuộc Bộ TNMT *(để báo cáo)*;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Văn Lâm;
- UBND xã Đại Đồng;
- Công ty TNHH thương mại và sản xuất Tú Anh Hưng Yên;
- Trung tâm PVHCC và KSTTHC *(trả kết quả)*;
- Cổng TTĐT tỉnh *(đăng tải công khai)*;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT2[L].

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
Thời gian ký: 03/12/2024 10:56:13

Nguyễn Hùng Nam

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của dự án Nhà máy sản xuất thùng phi sắt, bao bì carton và các sản phẩm từ plastic
(Kèm theo Quyết định số 2681/QĐ-UBND ngày 03/12/2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nhà máy sản xuất thùng phi sắt, bao bì carton và các sản phẩm từ plastic.
- Địa điểm thực hiện: Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH thương mại và sản xuất Tú Anh Hưng Yên.

1.2. Phạm vi, quy mô Dự án

- Tại khu đất có diện tích 40.000 m^2 thuộc địa bàn xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.
- Mục tiêu dự án: Sản xuất thùng phi sắt và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; sản xuất bao bì carton; sản xuất sản phẩm từ plastic (sản xuất từ hạt nhựa nguyên sinh, không sử dụng nhựa tái chế, không tái chế nhựa).
- Quy mô, công suất thiết kế:

+ Thùng phi sắt và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại: 2.000 sản phẩm/năm (tương đương 40 tấn/năm);

+ Bao bì carton: 30.000 tấn/năm;

+ Các sản phẩm từ plastic: 8.000 sản phẩm/năm (tương đương 480 tấn/năm).

- Quy mô các hạng mục công trình của dự án: Theo Mặt bằng quy hoạch tổng thể điều chỉnh của dự án Nhà máy sản xuất thùng phi sắt, bao bì carton và các sản phẩm từ plastic ban hàn kèm theo Thông báo số 173/TB-SXD ngày 18/6/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên.

TT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Diện tích xây dựng	Tình trạng
I	**Hạng mục công trình chính**			
1	Xưởng sản xuất 1 tầng	m^2	6.997,5	Xây dựng mới
2	Xưởng sản xuất 1 tầng	m^2	6.997,5	Xây dựng mới
3	Nhà kho 1 tầng	m^2	1.192,5	Xây dựng mới
4	Nhà điều hành	m^2	450	Xây dựng mới
II	**Hạng mục công trình phụ trợ**			
1	Cổng + nhà bảo vệ	m^2	25	Xây dựng mới
2	Lán để xe	m^2	150	Xây dựng mới
3	Bể nước ngầm cứu hỏa	m^2	375	Xây dựng mới
4	Đất giao thông	m^2	8.420	Xây dựng mới
III	**Công trình bảo vệ môi trường**			

1	Khu xử lý KTVS môi trường	m^2	112,5	Xây dựng mới
2	Sân vườn, cây xanh	m^2	15.280	Xây dựng mới
	Tổng	**m^2**	**40.000**	

1.3. Công nghệ sản xuất, kinh doanh

- Quy trình sản xuất thùng phi: Nguyên liệu (thép cuộn) → cắt, dập → uốn, hàn → tạo gân, hoàn thiện phần thân → bôi keo → lắp nắp và đáy → kiểm tra → thành phẩm.

- Quy trình sản xuất bao bì carton: Giấy carton → cán sóng → tráng hồ → ép giấy → sấy → cắt lề, cắt tấm → xẻ rãnh, nhấn lằn → ghim → kiểm tra, đóng gói → thành phẩm.

- Quy trình sản xuất màng nilon: Nguyên liệu (hạt nhựa nguyên sinh PE, PP) → trộn → cán màng → kiểm tra → chia cuộn theo tiêu chuẩn đơn hàng → sản phẩm.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai với diện tích 39.094,7 m^2.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, nước thải xây dựng; bụi, khí thải từ máy móc, phương tiện thi công; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải xây dựng; chất thải nguy hại; tiếng ồn, độ rung.

- Trong giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt; nước làm mát phát sinh từ công đoạn làm mát máy móc thiết bị sản xuất sản phẩm màng nilon; khí thải phát sinh từ công đoạn thổi màng nilon; bụi phát sinh từ công đoạn cắt tấm, cắt lề sản phẩm bao bì carton; bụi phát sinh từ công đoạn cắt, dập tấm thép sản xuất sản phẩm thùng phi; hơi keo phát sinh từ công đoạn bôi keo gắn lắp, đáy vào phần thân thùng phi; bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn hàn sản xuất sản phẩm thùng phi; bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động của công nhân xây dựng phát sinh khoảng 02 m^3/ngày, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất hữu cơ.

+ Nước thải xây dựng từ quá trình rửa máy móc, thiết bị; hoạt động thi công xây dựng dự án phát sinh khoảng 2,5 m^3/ngày, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ.

- Giai đoạn vận hành:

+ Không phát sinh nước thải sản xuất; nước làm mát phát sinh từ công đoạn làm mát máy móc thiết bị sản xuất sản phẩm màng nilon với lượng cấp ban

đầu khoảng 50 m^3, được thu gom, tuần hoàn tái sử dụng và bổ sung hàng ngày lượng nước thất thoát do bay hơi khoảng 2 m^3.

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của công nhân viên của dự án khoảng 7,7 m^3/ngày đêm, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là TSS, chất hữu cơ, dầu mỡ, coliform.

3.1.2. Bụi, khí thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động, giải phóng mặt bằng, thi công san nền, thi công xây dựng các hạng mục công trình.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, các máy móc, thiết bị thi công.

- Giai đoạn vận hành:

+ Khí thải phát sinh từ công đoạn thổi màng nilon: Dự báo nồng độ hơi nhựa đặc trưng phát sinh, cụ thể: etylen 0,935 mg/m^3; propylen 0,935 mg/m^3 (thấp hơn giới hạn cho phép môi trường lao động).

+ Bụi phát sinh từ công đoạn cắt tấm, cắt lề sản phẩm bao bì carton: Dự báo nồng độ bụi phát sinh 6,06 mg/m^3 (thấp hơn giới hạn cho phép môi trường lao động).

+ Bụi phát sinh từ công đoạn cắt, dập tấm thép sản xuất sản phẩm thùng phi: Dự báo nồng độ bụi phát sinh không đáng kể.

+ Hơi keo phát sinh từ công đoạn bôi keo gắn lắp, đáy vào phần thân thùng phi: Dự báo nồng độ hôi keo phát sinh không đáng kể do thành phần chính của keo sử dụng là nhựa mủ cao su và không có dung môi hữu cơ.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn hàn sản xuất sản phẩm thùng phi: Dự báo nồng độ bụi, khí thải phát sinh không đáng kể do dự án sử dụng côn nghệ hàn điện trở.

+ Bụi, khí thải phát sinh do hoạt động giao thông, vận chuyển chủ yếu là các khí CO, NO_x. Tải lượng phát thải các khí này biến đổi theo không gian và thời gian.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 0,01 tấn/ngày, gồm chủ yếu thức ăn thừa và chất vô cơ như: nilon, giấy, hộp cơm…

+ Chất thải rắn thông thường gồm: Phát sinh khoảng 7.450 kg trong quá trình thi công xây dựng, gồm: đất cát, cốt pha gỗ, vật liệu xây dựng, bao bì đựng nguyên vật liệu xây dựng, đầu thừa sắt, thép. Ngoài ra, khối lượng đất bóc hữu cơ bề mặt của đất trồng lúa khoảng 7.820 m^3 được tận dụng để trồng cây xanh tại dự án.

+ Chất thải nguy hại: Khối lượng khoảng 32,5 kg/tháng, gồm: Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; bóng đèn huỳnh quang thải; bì thải chứa thành phần nguy hại.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 55 kg/ngày (tương đương 14,5 tấn/năm), gồm chủ yếu thức ăn thừa và chất vô cơ như: nilon, giấy, hộp cơm…

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Khối lượng khoảng 79.500 kg/năm, gồm gồm: pallet thải; bao bì thải: hộp carton, giấy, bao tải, túi nilon hỏng, vỏ chai lọ,...; sản phẩm lỗi (màng nilon); giấy carton thải; vụn thép thải. Ngoài ra, còn bùn thải từ hệ thống bể tự hoại, hố ga thoát nước và hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Chất thải nguy hại: Khối lượng khoảng 534 kg/năm, gồm: Hộp mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải; bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải; bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải; bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải; chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tạo các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn xây dựng: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công trên công trường, phương tiện vận chuyển.

- Giai đoạn hoạt động: Từ hoạt động của máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận chuyển.

3.4. Các tác động khác

Trong quá trình hoạt động của Dự án có thể xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố liên quan đến công trình xử lý nước thải tác động đến môi trường.

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom và xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom, xử lý nước thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động loại 2.000 lít; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thường xuyên đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, không xả ra môi trường.

+ Nước thải xây dựng: Nước thải thi công, vệ sinh máy móc, thiết bị được thu gom về hố ga lắng cặn (có vật liệu thấm dầu) đảm bảo vệ sinh môi trường, tái sử dụng cho quá trình thi công, không thải ra môi trường.

- Giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt của dự án được xử lý sơ bộ qua 03 bể tự hoại có tổng thể tích 72 m^3, nước thải nhà ăn được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ vớithể tích 02 m^3, sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải nước thải tập trung công suất 10 m^3/ngày đêm.

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 10 m^3/ngày đêm, quy trình: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → hố thu g0m → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí (màng MBR) → bể khử trùng → nước thải sau xử lý đạt QCĐP 01:2019/HY (K=1,2, K_{hy}=0,85) thải ra kênh tiêu L1 tiếp giám phía Nam của dự án thuộc địa bàn xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Tọa độ điểm xả nước thải *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 30'$, múi chiếu 3^0):* X= 2321457,59; Y= 558305,48.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Không phát sinh nước thải sản xuất; nước làm mát phát sinh từ công đoạn làm mát máy móc thiết bị sản xuất sản

phẩm màng nilon được thu gom, tuần hoàn, tái sử dụng, không thải ra môi trường; thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 10 m^3/ngày đêm đạt QCĐP 01:2019/HY – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt (K=1,2, K_{hy}=0,85) thải ra kênh tiêu L1 tiếp giám phía Nam của dự án thuộc địa bàn xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên; nước mưa chảy tràn phải được thu gom, xử lý sơ bộ trước khi thải ra môi trường; xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Không sử dụng các loại xe, máy không đủ tiêu chuẩn lưu hành, thi công trong Dự án; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, tu sửa máy móc công trình và phương tiện vận tải.

+ Phủ bạt kín các xe chở vật liệu xây dựng để tránh phát tán bụi.

+ Không vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng vào giờ cao điểm.

+ Đặt các biển báo, phân vùng cách ly an toàn xung quanh khu vực thi công.

+ Thường xuyên tưới ẩm, phun nước các đoạn đường xung quanh Dự án để hạn chế bụi.

+ Lắp đặt tấm chắn để hạn chế bụi phát sinh ra xung quanh khu vực thi công.

+ Trang bị bảo hộ và công cụ lao động thích hợp cho công nhân để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi, khí thải và đảm bảo an toàn lao động

- Giai đoạn vận hành:

+ Thiết kế nhà xưởng, bố trí hệ thống thông gió cục bộ tại các vị trí làm việc của công nhân.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân lao động.

+ Tuân thủ các yêu cầu thiết kế của trạm xử lý nước thải tập trung; các yêu cầu vận hành và giám sát trạm xử lý nước thải tập trung.

+ Tăng cường trồng cây xanh, cảnh quan môi trường; công tác vệ sinh công nghiệp, điều tiết các phương tiện giao thông ra vào dự án.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu những tác động xấu đến chất lượng môi trường không khí, đảm bảo tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí QCVN 05:2023/BTNMT.

+ Đảm bảo điều kiện làm việc của người lao động theo quy chuẩn vệ sinh lao động của Bộ Y tế; không phát thải khí thải có mùi khó chịu vào môi trường.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 02 thùng chứa dung tích 20 lít để thu gom, lưu giữ tạm thời; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn xây dựng: Thu gom, lưu giữ tạm thời; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Chất thải nguy hại: Bố trí 04 thùng chứa dung tích 200 lít/thùng để thu gom, lưu giữ tạm thời; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường: Bố trí thiết bị, phương tiện thu gom, lưu giữ tạm thời về khu lưu giữ chất thải rắn thông thường có diện tích 30 m^2; hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Chất thải nguy hại: Bố trí thiết bị, phương tiện thu gom, lưu giữ tạm thời về khu lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại có diện tích 30 m^2; có hệ thống rãnh thu và hố thu gom chất thải lỏng, dán biển cảnh báo nguy hiểm theo TCVN 6707:2009, hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện phân loại tại nguồn, thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Các máy móc tham gia thi công sẽ được kiểm tra, bao dưỡng thường xuyên đảm bảo hoạt động tốt, tiếng ồn tạo ta không vượt quá giới hạn cho phép.

- Giai đoạn vận hành:

+ Áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; định kỳ bảo dưỡng thiết bị, máy móc; trang bị cho công nhân thiết bị chống ồn khi làm việc tại các công đoạn có phát sinh tiếng ồn cao.

+ Tăng cường trồng cây xanh, thảm cỏ xung quanh để tạo cảnh quan môi trường tại dự án.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng, vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống phòng cháy và chữa cháy được cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên theo dõi hoạt động, tuân thủ các yêu cầu thiết kế; có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng; trường hợp, hệ thống xử lý nước thải xảy ra

sự cố và chưa khắc phục được ngay, Công ty sẽ dừng hoạt động sản xuất, tuyệt đối không xả nước nước chưa xử lý đạt quy chuẩn ra môi trường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

** Giám sát không khí xung quanh:*

- Số vị trí: 02 điểm.
- Vị trí giám sát: Tại vị trí đầu và cuối khu đất thực hiện dự án
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng (TSP), SO_2, CO, NO_2, vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió).
- Tần suất giám sát: 06 tháng/01 lần trong quá trình xây dựng.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT.

** Giám sát chất thải rắn:*

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm

Tuân thủ quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.3. Giai đoạn vận hành chính thức

** Giám sát nước thải:*

Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục và định kỳ nước thải theo quy định tại Điều 97 và Phụ lục XXVIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

** Giám sát chất thải rắn:*

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định; định kỳ 01 năm/lần tổng hợp báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt của đất trồng lúa trình cấp có thẩm quyền chấp thuận và bảo vệ, sử dụng lượng đất hữu cơ này theo quy định tại Luật Trồng trọt, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

- Thực hiện các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai và vận hành Dự án. Thực hiện các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để tiết kiệm, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

- Lập kế hoạch và đảm bảo phương tiện, nhân lực để thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu và khắc phục các rủi ro và sự cố môi trường; chịu trách nhiệm đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ nghiêm chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Thực hiện việc cấp giấy phép môi trường, vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./.